



**Câu 6:** Phát biểu nào sau đây **sai** về vai trò của tăng trưởng, phát triển kinh tế?

- A. Tăng trưởng, phát triển kinh tế tạo điều kiện giải quyết việc làm cho đất nước.
- B. Tăng trưởng, phát triển kinh tế góp phần giải quyết tình trạng đói nghèo.
- C. Tăng trưởng, phát triển kinh tế tạo điều kiện củng cố quốc phòng an ninh.
- D. Tăng trưởng, phát triển kinh tế tạo điều kiện cho mọi công dân có thu nhập bằng nhau.

**Câu 7:** Hành vi nào dưới đây kìm hãm sự tăng trưởng, phát triển kinh tế đất nước?

- A. Sản xuất hàng giả, hàng nhái.
- B. Tạo việc làm cho người lao động.
- C. Tìm kiếm thị trường tiêu thụ.
- D. Đóng thuế theo quy định.

**Câu 8:** Việc làm nào dưới đây góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng, phát triển kinh tế đất nước?

- A. Sản xuất hàng giả, hàng nhái.
- B. Ứng dụng công nghệ 4.0 vào sản xuất.
- C. Nợ lương của người lao động.
- D. Gian lận thuế, nợ thuế, trốn thuế.

**Câu 9:** Tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững

- A. có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.
- B. độc lập với nhau.
- C. cản trở nhau phát triển.
- D. triệt tiêu nhau.

**Câu 10:** Một quốc gia được coi là có sự phát triển về kinh tế khi cơ cấu ngành nông nghiệp giảm đi, cơ cấu ngành công nghiệp, dịch vụ có xu hướng

- A. giảm theo.
- B. tăng lên.
- C. không đổi.
- D. cân bằng.

### **Vận dụng:**

#### **Đọc thông tin và trả lời câu hỏi 11, 12**

Năm 2023, GDP ước tính tăng 5,05%, xu hướng tăng trưởng tích cực. Theo đó, GDP quý IV/2023 ước tính tăng 6,72% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn quý IV các năm 2012-2013 và 2020-2022 và với xu hướng tích cực, quý sau cao hơn quý trước (quý I tăng 3,41%, quý II tăng 4,25%, quý III tăng 5,47%).  
(Theo Cổng Thông tin điện tử Chính phủ)

**Câu 11:** Dựa vào chỉ số GDP, năm 2023 nền kinh tế Việt Nam

- A. có sự tăng trưởng kinh tế.
- B. rơi vào suy thoái.
- C. giảm về quy mô, sản lượng.
- D. rơi vào khủng hoảng.

**Câu 12:** GDP là tiêu chí nào trong các chỉ tiêu đánh giá tăng trưởng kinh tế?

- A. Tổng thu nhập quốc nội bình quân đầu người.
- B. Tổng sản phẩm quốc nội.
- C. Tổng thu nhập quốc dân bình quân đầu người.
- D. Tổng thu nhập quốc dân.
- A. Quyết định nhất.
- B. Không đáng kể.
- C. Kìm hãm.
- D. Động lực.

#### **Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 13,14,15**

Tính chung thời kì thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm (2011 - 2020), tăng trưởng GDP của Việt Nam đạt khoảng 5,9%/năm, thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao trong khu vực. Quy mô GDP tăng gấp 2,4 lần, từ 116 tỉ USD năm 2010 lên 268,4 tỉ USD vào năm 2020. GDP bình quân đầu người tăng từ 1.331 USD năm 2010 lên khoảng 2.750 USD năm 2020. Tỷ lệ hộ nghèo cả nước giảm nhanh, từ 14,2% năm 2010 xuống còn 7% năm 2015 (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015) và giảm từ 9,2% năm 2016 xuống dưới 3% vào năm 2020 (theo chuẩn nghèo đa chiều). Cơ sở hạ tầng thiết yếu ở các huyện nghèo, xã nghèo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số được tăng cường. Thực hiện nhiều giải pháp tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động

**Câu 13:** Nội dung nào dưới đây **không** phải là chỉ tiêu cơ bản để đánh giá sự tăng trưởng và phát triển kinh tế trong thông tin trên?

- A. Thu nhập bình quân theo GDP.
- B. Tốc độ tăng dân số.

C. Tốc độ tăng GDP.

D. Tỷ lệ hộ nghèo và thu nhập.

**Câu 14:** Nội dung nào dưới đây thể hiện tăng trưởng kinh tế là điều kiện vật chất để thực hiện phát triển bền vững được đề cập trong thông tin trên?

A. Thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao.

B. Tốc độ tăng dân số phù hợp với.

C. Tạo việc làm và nâng cao thu nhập.

D. Giảm tỷ lệ lạm phát, giá cả được kiểm soát.

**Câu 15:** Yếu tố nào được đề cập trong thông tin trên là nhân tố quyết định việc thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế về mặt xã hội?

A. Tăng trưởng dân số.

B. Tốc độ tăng lạm phát.

C. Tăng trưởng việc làm.

D. Tăng trưởng kinh tế.

**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai.** Trong mỗi ý a, b, c, d ở mỗi câu, chọn đúng hoặc sai.

**Câu 1.** Đọc đoạn thông tin sau:

Theo Tổng cục Thống kê năm 2022, tổng tỷ lệ nghèo đa chiều cả nước là 9,35%, trong đó, tỷ lệ hộ nghèo là 5,2% và tỷ lệ hộ cận nghèo là 4,15%. Theo báo cáo, Chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam là 0,703 vào năm 2021, tăng hai bậc trên bảng xếp hạng toàn cầu, lên vị trí 115/191 quốc gia, thuộc nhóm trung bình cao của thế giới. Điều này cho thấy, kinh tế, xã hội của nước ta đang tiếp tục phát triển và là điểm sáng thứ hai châu Á về tốc độ tăng GDP, cải thiện về thu hút FDI, vốn gián tiếp, kiều hối và phát triển du lịch, nông nghiệp và một số ngành công nghiệp phụ trợ gắn với xuất khẩu. Để thực hiện và giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế, phát triển văn hóa, tiến bộ và công bằng xã hội, nhất định chúng ta phải xây dựng môi trường xã hội chủ nghĩa trong cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, với một hệ giá trị thật sự tiên bộ.

a. Chỉ số phát triển con người (HDI) tỷ lệ thuận với tốc độ tăng trưởng kinh tế trong nước.

b. Tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo là chỉ tiêu quan trọng để đánh giá tốc độ tăng trưởng kinh tế của một quốc gia.

c. Việt Nam đã giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa tăng trưởng và phát triển kinh tế.

d. Thực hiện nền kinh tế xanh, nền kinh tế tuần hoàn, nền kinh tế hướng tới con người là mục tiêu của tăng trưởng kinh tế.

**Câu 2.** Đọc đoạn thông tin sau:

Về cơ cấu nền kinh tế năm 2023, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 11,96%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 37,12%; khu vực dịch vụ chiếm 42,54%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 8,38%. Quy mô GDP theo giá hiện hành năm 2023 ước đạt 10.221,8 nghìn tỷ đồng, tương đương 430 tỷ USD. GDP bình quân đầu người năm 2023 theo giá hiện hành ước đạt 101,9 triệu đồng/người, tương đương 4.284,5 USD, tăng 160 USD so với năm 2022. Năng suất lao động của toàn nền kinh tế năm 2023 theo giá hiện hành ước đạt 199,3 triệu đồng/lao động (tương đương 8.380 USD/lao động, tăng 274 USD so với năm 2022); theo giá so sánh, năng suất lao động tăng 3,65% do trình độ của người lao động được cải thiện (tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ năm 2023 ước đạt 27%, cao hơn 0,6 điểm phần trăm so với năm 2022).

a. Cơ cấu ngành kinh tế chuyển dịch chưa phù hợp với các chỉ tiêu về phát triển kinh tế.

b. Thu nhập 4284,5USD/1 người năm 2023 thể hiện thu nhập quốc dân bình quân theo đầu người của nước ta.

c. Năng suất lao động là một chỉ tiêu cơ bản phản ánh sự tăng trưởng và phát triển kinh tế của một quốc gia.

d. Trình độ của người lao động là tiêu chí để đánh giá sự phát triển kinh tế.

**Câu 3.** Đọc đoạn thông tin sau:

Theo Tổng cục Thống kê công bố, tốc độ tăng trưởng GDP năm 2023 đạt 5,05% và có xu hướng tăng dần theo thời gian, quý IV đạt 6,72%, cao nhất so với quý III, II và quý 1 (trương ứng đạt 5,47, 4,25% và 3,41%), cao hơn mức trung bình của thế giới và khu vực cũng như nhiều nước trong giai đoạn tăng trưởng nhanh.

- a. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2023 đạt mức cao nhất so với các năm trước đó.
- b. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2023 sẽ tỉ lệ thuận với mức thu nhập và đời sống của người dân.
- c. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2023 cho thấy Việt Nam là quốc gia có mức sống cao.
- d. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2023 là căn cứ để so sánh với sự tăng trưởng kinh tế của năm 2024.

**Câu 4.** Đọc đoạn thông tin sau:

Theo Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang, năm 2024, các doanh nghiệp (DN), nhất là DN có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trong các khu công nghiệp của tỉnh tiếp tục duy trì mức tăng trưởng khá. Nhiều DN FDI đang tiếp tục đầu tư mở rộng và có nhu cầu tuyển lao động, quý I năm nay có 13 DN thông báo tuyển dụng hơn 13 nghìn người lao động (gồm cả lao động có trình độ và tay nghề cao), người lao động khi được nhận vào làm việc sẽ được hưởng thu nhập (theo thỏa thuận và vị trí việc làm của từng DN); được ký hợp đồng lao động, đóng bảo hiểm ngay trong tháng thử việc;...ngoài lương cơ bản nhiều DN còn hỗ trợ công nhân tiền ăn, nhà ở, đi lại, tiền thưởng chuyên cần và phụ cấp thâm niên.

- a. Việc tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp FDI sẽ cản trở vấn đề giải quyết việc làm của địa phương.
- b. Sự phát triển của các doanh nghiệp sẽ làm giảm chất lượng cuộc sống người lao động.
- c. Các doanh nghiệp FDI đã góp phần giảm bớt tình trạng đói nghèo cho địa phương.
- d. Các doanh nghiệp FDI là cầu nối để nước ta hội nhập quốc tế, khắc phục tụt hậu.

### **ĐỀ MINH HỌA**

**PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.** *Mỗi câu hỏi chỉ chọn một phương án.*

**Câu 1.** Quá trình một quốc gia thực hiện gắn kết nền kinh tế của mình với nền kinh tế các quốc gia khác trong khu vực và trên thế giới dựa trên cơ sở cùng có lợi và tuân thủ các quy định chung là nội dung của khái niệm nào sau đây?

- A. Hội nhập kinh tế quốc tế.
- B. Liên kết kinh tế quốc tế.
- C. Kết nối kinh tế quốc tế.
- D. Tích hợp kinh tế quốc tế.

**Câu 2.** Phát biểu nào sau đây là **sai** về sự cần thiết của hội nhập kinh tế quốc tế?

- A. Tạo cơ hội tiếp cận và sử dụng nguồn lực tài chính bên ngoài.
- B. Tạo cơ hội tiếp cận và sử dụng kinh nghiệm quản lý bên ngoài.
- C. Giúp mỗi quốc gia mở rộng thị trường, thu hút nguồn vốn đầu tư.
- D. Giúp nước này có thể chi phối nước khác về lĩnh vực kinh tế.

**Câu 3.** Hội nhập kinh tế quốc tế được thực hiện theo các cấp độ nào dưới đây?

- A. Song phương, khu vực, toàn cầu.
- B. Song phương, đa phương, toàn diện.
- C. Thỏa thuận, liên minh, hợp tác.
- D. Thỏa thuận, liên kết, hoà nhập.

**Câu 4.** Một quốc gia hợp tác với một quốc gia khác là hình thức hội nhập kinh tế

- A. đa phương.
- B. toàn diện.
- C. toàn cầu.
- D. song phương.

**Câu 5.** Phát biểu nào sau đây **không** phải là sự cần thiết của hội nhập kinh tế quốc tế?

- A. Hội nhập kinh tế quốc tế là tất yếu khách quan đối với tất cả các quốc gia.
- B. Giúp mỗi quốc gia có cơ hội thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế.
- C. Góp phần tạo cơ hội việc làm và nâng cao thu nhập cho các tầng lớp dân cư.
- D. Tạo cơ hội cho các nước trên thế giới được giao lưu, chia sẻ mọi mặt.

**Câu 6.** Sự hợp tác giữa hai quốc gia, dựa trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi, tôn trọng độc lập và chủ quyền của nhau và tuân thủ các chuẩn mực quốc tế chung nhằm thiết lập và phát triển quan hệ kinh tế thương mại giữa các bên là hình thức hội nhập kinh tế.

- A. đa phương.
- B. toàn cầu.
- C. quốc tế.
- D. song phương.

**Câu 7.** Sự hợp tác được kí kết giữa các quốc gia trong một khu vực trên cơ sở sự tương đồng về địa lí, văn hóa, xã hội hoặc có chung mục tiêu, lợi ích phát triển là cấp độ hội nhập kinh tế

- A. đa phương.
- B. khu vực.
- C. toàn cầu.
- D. song phương.

**Câu 8.** Quá trình liên kết, gắn kết giữa các quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới, cùng nhau thỏa thuận, cùng tham gia các tổ chức toàn cầu là hình thức hội nhập nào dưới đây?

- A. Hội nhập kinh tế đa phương.
- B. Hội nhập kinh tế khu vực.
- C. Hội nhập kinh tế toàn cầu.
- D. Hội nhập kinh tế song phương.

**Câu 9.** Hành vi nào dưới đây thể hiện **đúng** trách nhiệm của công dân về hội nhập kinh tế quốc tế?

A. Doanh nghiệp thủy sản X tuân thủ đúng quy định về dán nhãn, giấy tờ chứng minh nguồn gốc và các giấy chứng thư vệ sinh cần thiết khi xuất khẩu hàng hoá vào EU.

B. Ông H giao sai số lượng hàng hóa so với thỏa thuận trong hợp đồng đã kí kết với đối tác nước ngoài.

C. Ông K tháo thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá của mình để khai thác bất hợp pháp tại vùng biển nước ngoài.

D. Công ty Y thay đổi mẫu mã ghê ghở khác với mô tả sản phẩm trong hợp đồng với đối tác nước ngoài.

**Câu 10.** Đối với một đất nước đang phát triển như Việt Nam, để thúc đẩy kinh tế đất nước phát triển thì cần

- A. chủ động hội nhập kinh tế quốc tế với các quốc gia/vùng lãnh thổ.
- B. chỉ lựa chọn phát triển quan hệ kinh tế với các quốc gia phát triển.
- C. chỉ lựa chọn liên kết, hợp tác với các quốc gia trong khối Asean.
- D. chủ động tách biệt quan hệ thương mại với nước láng giềng.

### **Đọc thông tin và trả lời câu hỏi 11, 12, 13**

Việt Nam đã phát triển quan hệ kinh tế với các tổ chức quốc tế, các công ty đa quốc gia. Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc (VKFTA, năm 2015), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh Kinh tế Á - Âu (EAEU, năm 2016). Tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta tiếp tục được thúc đẩy thông qua việc hình thành Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) vào cuối năm 2015, CPTPP (năm 2016), EVFTA (năm 2020), Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP, năm 2020), Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam, Anh và Bắc Ireland (UKVFTA, năm 2020). Đến đầu năm 2022, Việt Nam đã tham gia và đang đàm phán 17 FTA, trong đó, có 15 FTA có hiệu lực và đang thực thi cam kết, 2 FTA đang đàm phán (FTA giữa Việt Nam và Khối thương mại tự do châu Âu (EFTA FTA), FTA

Việt Nam - Israel). Có thể thấy, việc ký kết các FTA chứng tỏ vai trò của Việt Nam trong việc thúc đẩy thương mại tự do và hội nhập kinh tế, thương mại ở cả châu Á, châu Mỹ và châu Đại Dương.

**Câu 11:** Việc ký kết hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh Kinh tế Á - Âu là biểu hiện của hình thức hợp tác nào dưới đây?

- A. Hội nhập khu vực.
- B. Hội nhập toàn cầu.
- C. Hội nhập song phương.
- D. Hội nhập đa phương.

**Câu 12:** Việc tham gia ký kết các hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương không mang lại ý nghĩa nào dưới đây?

- A. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.
- B. Mở rộng thị trường việc làm.
- C. Mở rộng thị trường xuất khẩu.
- D. Thay đổi chế độ chính trị.

**Câu 13:** Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc là biểu hiện của hình thức hợp tác nào dưới đây?

- A. Hội nhập đa phương.
- B. Hội nhập khu vực.
- C. Hội nhập song phương.
- D. Hội nhập toàn cầu.

#### **Đọc thông tin và trả lời câu hỏi 14, 15, 16**

Diễn đàn hợp tác kinh tế là hình thức hội nhập kinh tế quốc tế ra đời vào thập niên 80 thế kỷ XX, ví dụ: Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) và Diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEM). Các quốc gia tham gia diễn đàn hợp tác kinh tế không có những cam kết mang tính ràng buộc thực hiện, mà chủ yếu mang tính định hướng, khuyến nghị hành động đối với các quốc gia thành viên. Những nguyên tắc được xây dựng giữa các quốc gia tham gia diễn đàn là linh hoạt và tự nguyện để thực hiện tự do hoá và thuận lợi hoá thương mại, đầu tư. Tuy vậy, ngày nay, diễn đàn hợp tác kinh tế cũng có vai trò khá quan trọng trong định hướng phát triển kinh tế, thương mại cũng như giải quyết các vấn đề kinh tế-xã hội cùng quan tâm của các quốc gia trong một khu vực, duy trì, thúc đẩy quá trình hội nhập quốc tế, nhất là trong thời điểm xuất hiện những xu thế chống lại toàn cầu hóa gia tăng bảo hộ trong nước.

**Câu 14:** Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) và Diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEM), là những diễn đàn đi sâu giải quyết các vấn đề nào dưới đây?

- A. Chính trị - quân sự.
- B. Kinh tế - quốc phòng.
- C. Kinh tế - thương mại.
- D. Ngoại giao – quốc phòng.

**Câu 15:** Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) và Diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEM), là biểu hiện của hình thức hợp tác kinh tế quốc tế nào dưới đây?

- A. Hợp tác toàn cầu.
- B. Hợp tác khu vực.
- C. Hợp tác song phương.
- D. Hợp tác quốc tế.

**Câu 16:** Nội dung nào dưới đây thể hiện mục đích của hội nhập kinh tế song phương và đa phương giữa các nước trên thế giới hiện nay?

- A. Thúc đẩy chuyển giao vũ khí.
- B. Phân chia lợi nhuận bình quân.
- C. Phân chia lại phạm vi quyền lực.
- D. Thúc đẩy tự do hóa thương mại.

#### **Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 17,18,19**

Cơ cấu kinh tế ngành và nội ngành chuyển biến tích cực; tỉ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo và ứng dụng công nghệ cao tăng lên. Cơ cấu lao động chuyển dịch từ khu vực năng suất lao động thấp sang khu vực năng suất lao động cao hơn. Tỉ trọng lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản trong tổng số lao động cả nước giảm từ 48,6% năm 2010 xuống còn 34% năm 2020. Tỉ trọng lao động ngành công nghiệp

và xây dựng tăng từ 21,7% lên 30,3%; ngành dịch vụ từ 29,7% lên khoảng 35,7% trong cùng giai đoạn;... Đời sống người dân không ngừng được cải thiện; tạo sinh kế và nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản. Thu nhập bình quân đầu người tăng 3,1 lần, từ 16,6 triệu đồng năm 2010 lên 51,5 triệu đồng năm 2019. Thực hiện nhiều giải pháp tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động. Mạng lưới cơ sở y tế phát triển rộng khắp, năng lực, chất lượng khám, chữa bệnh và y đức được nâng lên; y tế cơ sở được chú trọng. Tuổi thọ trung bình tăng từ 72,9 tuổi năm 2010 lên 73,7 tuổi vào năm 2020.

**Câu 17:** Nội dung nào dưới đây không phải là chỉ tiêu để đánh giá sự phát triển kinh tế của nước ta?

- A. Chuyển dịch cơ cấu lao động.
- B. Chuyển dịch cơ cấu ngành.
- C. Năng suất lao động xã hội.
- D. Vấn đề việc làm và thu nhập.

**Câu 18:** Một nền kinh tế được coi là phát triển khi cơ cấu lao động trong lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ phải lớn hơn lao động tham gia vào khu vực

- A. công nghiệp.
- B. vận tải.
- C. dịch vụ.
- D. nông nghiệp.

**Câu 19:** Giải quyết tốt vấn đề nào dưới đây sẽ góp phần nâng cao chỉ số phát triển con người (HDI) ở nước ta hiện nay?

- A. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
- B. Gia tăng tỷ trọng ngành dịch vụ.
- C. Phát triển nông nghiệp hữu cơ.
- D. Giải quyết việc làm và thu nhập.

**Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi bên dưới 20,21,22**

Đảng, Nhà nước đã quan tâm, bố trí nguồn lực từ ngân sách nhà nước và huy động nguồn lực toàn xã hội để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo. Kết quả xóa đói giảm nghèo đã tạo thêm cơ sở vững chắc cho Việt Nam bảo đảm các quyền và lợi ích của người dân. Nổi bật là về nhà ở, đi lại, đến năm 2020, cả nước đã xây dựng, củng cố được hàng vạn ngôi nhà, căn hộ cho người nghèo, xóa bỏ hầu hết nhà tạm ở các thôn, bản; 99% địa bàn đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng biên giới có đường giao thông từ tỉnh đến huyện, xã. Về chăm sóc sức khỏe, trên 90% người dân đều có thể bảo hiểm y tế và được các dịch vụ chăm sóc sức khỏe với chi phí thấp. Với hệ thống bệnh viện, trạm y tế và dịch vụ y tế thông suốt từ trung ương đến cơ sở, Việt Nam đã khống chế, đẩy lùi nhiều bệnh dịch nguy hiểm; tuổi thọ trung bình của người dân tăng từ 64 tuổi trong thập kỷ 90 (thế kỷ XX) lên 73-75 tuổi năm 2020.

**Câu 20:** Nội dung nào dưới đây thể hiện vai trò của tăng trưởng kinh tế đối với việc xóa đói giảm nghèo ở nước ta?

- A. Tăng trưởng kinh tế làm gia tăng tỷ lệ đói nghèo.
- B. Xóa đói giảm nghèo sẽ hạn chế sự tăng trưởng kinh tế.
- C. Xóa đói giảm nghèo sẽ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.
- D. Tăng trưởng kinh tế là cơ sở để xóa đói giảm nghèo.

**Câu 21:** Việc thực hiện tốt công tác xóa đói giảm nghèo sẽ góp phần trực tiếp vào việc thực hiện mục tiêu nào dưới đây của phát triển kinh tế?

- A. Chỉ số thất nghiệp cơ cấu.
- B. Chỉ số lạm phát tự nhiên.
- C. Chỉ số lao động, việc làm.
- D. Chỉ số phát triển con người.

**Câu 22:** Việc quan tâm bố trí nguồn lực cho công tác xóa đói giảm nghèo là góp phần thực hiện chỉ tiêu nào dưới đây về phát triển kinh tế?

- A. Tiến bộ xã hội.
- B. Tăng trưởng kinh tế.
- C. Thu nhập quốc dân.
- D. Thu ngân sách.

## Đọc thông tin và trả lời câu hỏi 23,24

Kể từ khi chính thức gia nhập WTO, Việt Nam đã ghi nhận những thành tựu về phát triển kinh tế. Việt Nam trở thành nền kinh tế có độ mở cao, tới 200% GDP và cải thiện cán cân thương mại hàng hóa, chuyển từ nhập siêu sang xuất siêu trong giai đoạn 2016 - 2020. Đến năm 2020 nhiều hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương đã có hiệu lực, thúc đẩy hoạt động xuất khẩu hàng hóa của nước ta ngày càng mở rộng. Theo Tổng cục Thống kê, từ năm 2016 đến năm 2022, cán cân thương mại của Việt Nam luôn đạt thặng dư với mức xuất siêu tăng dần qua các năm. Năm 2022, cán cân thương mại xuất siêu đạt 12,4 tỷ USD, là năm thứ 7 liên tiếp cán cân thương mại hàng hóa ở mức thặng dư mặc dù gặp nhiều khó khăn sau ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh COVID-19. Trở thành một trong 20 nền thương mại lớn nhất thế giới.

**Câu 23:** Nội dung nào dưới đây thể hiện vai trò của hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam?

- A. Dịch chuyển dòng ngoại tệ.
- B. Gia tăng sự lệ thuộc về chính trị.
- C. Tăng cường quốc phòng.
- D. Đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa.

**Câu 24:** Việc gia nhập WTO của Việt Nam là biểu hiện của hình thức hội nhập nào dưới đây?

- A. Hội nhập khu vực.
- B. Hội nhập toàn cầu.
- C. Hội nhập song phương.
- D. Hội nhập toàn diện.

**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai.** Trong mỗi ý a, b, c, d ở mỗi câu, học sinh chọn đúng hoặc sai.

**Câu 1.** Đọc đoạn thông tin sau:

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, GDP năm 2023 của cả nước ước tính tăng 5,05% so với năm trước, đưa quy mô nền kinh tế theo giá hiện hành ước đạt 10.221,8 nghìn tỷ đồng, tương đương 430 tỷ USD; GDP bình quân đầu người ước đạt 101,9 triệu đồng/người, tương đương 4.284 USD, tăng 160 USD so với năm 2022. Như vậy đến cuối năm 2023, thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam đã đạt mốc 100 triệu đồng/người/năm.

- a. Năm 2023, nền kinh tế Việt Nam có sự tăng trưởng kinh tế.
- b. GDP là chỉ số tổng thu nhập quốc dân.
- c. Thu nhập bình quân đầu người tăng sẽ thúc đẩy tiến bộ, công bằng xã hội.
- d. Thu nhập bình quân đầu người năm 2022 của cả nước cao hơn 2023.

**Câu 2.** Đọc đoạn thông tin sau:

Đến nay, nước ta đã có quan hệ chính thức với 189/193 quốc gia và vùng lãnh thổ (trong đó có 4 đối tác chiến lược toàn diện, 17 đối tác chiến lược, 13 đối tác toàn diện); có quan hệ thương mại với 224 đối tác và quan hệ hợp tác với hơn 300 tổ chức quốc tế; đã ký hơn 90 hiệp định thương mại song phương, gần 60 hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư; đàm phán, ký kết và thực thi 19 Hiệp định thương mại tự do (FTA) song phương và đa phương với hầu hết các nền kinh tế lớn trên thế giới; trong đó 16 FTA đã có hiệu lực với hơn 60 đối tác, phủ rộng khắp các châu lục với tổng GDP chiếm gần 90% GDP toàn cầu, đưa Việt Nam trở thành một trong những nước dẫn đầu khu vực về tham gia các khuôn khổ hợp tác kinh tế song phương và đa phương.

- a. Nước ta có quan hệ hợp tác kinh tế với 189/193 quốc gia và vùng lãnh thổ.
- b. Việc ký kết các hiệp định thương mại song phương và đa phương giúp Việt Nam mở rộng hoạt động kinh tế đối ngoại.
- c. Kinh tế đối ngoại là yếu tố giữ vai trò quan trọng góp phần thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế.
- d. Hoạt động kinh tế đối ngoại là một bộ phận cấu thành chính sách đối ngoại của Việt Nam.

**Câu 3.** Đọc đoạn thông tin sau:

Hội nhập kinh tế quốc tế đã góp phần thúc đẩy thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Việt Nam. Thời kỳ 1995 - 2022, Việt Nam thu hút được 39.313 dự án với tổng vốn đăng ký 541.149,4 triệu USD, tổng vốn thực hiện 269.227,4 triệu USD (chiếm 49,75% tổng vốn đăng ký). Số dự án và vốn thực hiện hàng năm có xu hướng gia tăng trong thời kỳ này, tăng từ 415 dự án với vốn thực hiện là 7.925,2 triệu USD năm 1995 lên 2.169 dự án với vốn thực hiện là 22.396 triệu USD năm 2022. Vốn FDI vào Việt Nam chiếm 22,87% tổng vốn đầu tư toàn xã hội, đóng góp 18,16% GDP và 54,82% kim ngạch xuất khẩu hàng hóa.

(Nguồn: Theo tạp chí nghiên cứu công nghiệp và thương nghiệp)

**a.** Hội nhập kinh tế quốc tế đã tạo cơ hội cho nước ta tiếp cận và sử dụng nguồn lực tài chính cho sự phát triển của đất nước.

**b.** Việc thu hút đầu tư nước ngoài vào Việt Nam càng nhiều càng khiến nước ta lệ thuộc kinh tế vào các nước trên thế giới.

**c.** Thông tin trên thể hiện Việt Nam là một đối tác tin cậy của các nước trên thế giới.

**d.** Việc thu hút được nhiều vốn và dự án đầu tư sẽ khiến nền kinh tế Việt Nam bị lệ thuộc nguồn lực từ bên ngoài.

**Câu 4.** Đọc đoạn thông tin sau:

Việt Nam ngày càng thực sự phát huy vai trò của mình trong việc tham gia ngày càng sâu rộng vào quá trình liên kết khu vực và thế giới. Là thành viên của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) từ năm 1995, nước ta tham gia tích cực và đóng góp vào quá trình xây dựng Cộng đồng ASEAN, tham gia các tổ chức và diễn đàn khác như Diễn đàn An ninh khu vực (ARF), Cộng đồng kinh tế châu Á - Thái bình dương (APEC) Diễn đàn cấp cao Đông Á (EAS), Cộng đồng Pháp ngữ, Phong trào không liên kết... Nước ta đã tham gia nhiều Hiệp định thương mại tự do song phương và khu vực và đang đàm phán các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, trong đó có Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) và Hiệp định đối tác hợp tác kinh tế khu vực (RCEP).

**a.** Cộng đồng Pháp ngữ, Phong trào không liên kết là biểu hiện của hình thức hội nhập kinh tế quốc tế.

**b.** Việt Nam cần vừa hội nhập kinh tế song phương vừa hội nhập kinh tế đa phương.

**c.** Kết hợp chặt chẽ hội nhập về kinh tế với hội nhập về chính trị, văn hóa.

**d.** Khi hội nhập kinh tế quốc tế Việt Nam là quốc gia đang phát triển nên phải tuân thủ các quy định do các nước phát triển đặt ra.

## **ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HKII**

**MÔN: GDQP&AN**

Năm học 2024 - 2025

<b>TT</b>	<b>Khối</b>	<b>Nội dung</b>
3	12	Bài 6: Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (Thực hành bắn trên MBT03).